

THÔNG TƯ
Quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất; cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

Chương II
CẤP VÀ QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

Điều 3. Mẫu Chứng chỉ định giá đất

1. Chứng chỉ định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành theo một mẫu thống nhất và được áp dụng trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ định giá đất gồm một tờ có 04 trang, trang bìa (trang 1 và trang 4) in nền màu nâu đỏ và

trang nội dung (trang 2 và trang 3) in nền hoa văn trống đồng màu vàng nhạt, Chứng chỉ có kích thước 130mm x 190mm (gọi là mẫu Chứng chỉ định giá đất); gồm các nội dung chính như sau:

a) Trang 1 gồm Quốc hiệu, Quốc huy và dòng chữ **“CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT”**, màu nhũ vàng.

b) Trang 2 in chữ màu đen gồm: dòng chữ **“BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG”**; ảnh của học viên; **“Có giá trị đến:”** và **“Số Chứng chỉ: ”**.

Số Chứng chỉ bao gồm 07 chữ số, trong đó: 03 số đầu là số thứ tự của Chứng chỉ bắt đầu từ số 001 đến 999, tiếp theo là số hiệu của sổ Chứng chỉ gồm 2 chữ số bắt đầu từ 01 đến 10 và năm cấp Chứng chỉ gồm 2 chữ số cuối của năm cấp.

c) Trang 3 in chữ màu đen gồm: dòng chữ Quốc hiệu; **“CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT”**; **“BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG”**; **“Cấp cho ông/bà:”**; **“Ngày sinh:”**; **“Quốc tịch:”**; **“Số CMND/CCCD/Hộ chiếu”**; **“Ngày cấp”**; **“Nơi cấp”**; **“Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước”**; ngày, tháng, năm ký Chứng chỉ định giá đất; người ký Chứng chỉ định giá đất.

d) Trang 4 in chữ màu trắng gồm: dòng chữ **“Người được cấp Chứng chỉ định giá đất phải chấp hành các quy định sau đây:**

1. Không được sửa chữa, tẩy xóa lên bề mặt hoặc nội dung của Chứng chỉ định giá đất;

2. Không được cho thuê, cho mượn hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên và Chứng chỉ định giá đất của mình để thực hiện các hoạt động tư vấn xác định giá đất;

3. Không được sử dụng vào các mục đích khác mà pháp luật không cho phép.”

2. Nội dung và hình thức cụ thể của Chứng chỉ định giá đất quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm tổ chức in và quản lý mẫu Chứng chỉ định giá đất.

Điều 4. Điều kiện được cấp Chứng chỉ định giá đất

Cá nhân được cấp Chứng chỉ định giá đất phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự;
2. Có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan;
3. Có trình độ chuyên môn theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (sau đây gọi là Nghị định số 44/2014/NĐ-CP);
4. Có thời gian công tác theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP;
5. Có Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Điều 5. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ định giá đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất gồm có:
 - a) Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất;
 - c) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành hoặc chuyên ngành quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP;
 - d) Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất.
 - đ) Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác về thời gian công tác theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - e) Hai (02) ảnh màu cỡ 4x6 cm chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất.

Các loại giấy tờ quy định tại các Điểm b, c, d và đ Khoản này là bản sao có chứng thực; trường hợp không có chứng thực thì người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất phải mang bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là Văn phòng một cửa).

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất thực hiện như sau:

- a) Nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất: Người đề nghị cấp

Chúng chỉ định giá đất nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng một cửa hoặc gửi qua đường bưu điện đến Văn phòng một cửa - Bộ Tài nguyên và Môi trường; địa chỉ: số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

b) Thời gian nhận hồ sơ: Sáng từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết);

c) Việc tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng một cửa:

Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng một cửa, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định; hướng dẫn bổ sung hồ sơ đối với trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện đến Văn phòng một cửa, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và thông báo ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ qua điện thoại hoặc qua email đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định; hướng dẫn bổ sung hồ sơ qua điện thoại hoặc qua email đối với trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định;

d) Văn phòng một cửa gửi hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất đến Tổng cục Quản lý đất đai trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, đối với trường hợp đủ điều kiện cấp Chứng chỉ định giá đất thì Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai xem xét, ký thừa ủy quyền (TUQ) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp Chứng chỉ định giá đất trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Quyết định về việc cấp Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm gửi Chứng chỉ định giá đất đến Văn phòng một cửa trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định cấp Chứng chỉ định giá đất.

3. Trình tự, thủ tục trả kết quả cấp Chứng chỉ định giá đất:

a) Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất nhận kết quả trực tiếp tại Văn phòng một cửa hoặc qua đường bưu điện;

b) Công chức trả Chứng chỉ định giá đất có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ tùy thân, giấy hẹn trả kết quả của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất; hướng dẫn người đến nhận Chứng chỉ định giá đất ký nhận vào sổ cấp Chứng chỉ định giá đất và trao Chứng chỉ định giá đất; đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện thì hướng dẫn nhân viên bưu điện ký nhận vào sổ cấp Chứng chỉ định giá đất;

c) Thời gian trả kết quả cấp Chứng chỉ định giá đất: Sáng từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết).

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất

1. Cá nhân được cấp đổi Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp Chứng chỉ đã hết thời hạn; được cấp lại Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp Chứng chỉ bị mờ, rách, nát hoặc bị mất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất trong thời hạn không quá 01 năm tính đến ngày đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp cấp đổi Chứng chỉ định giá đất (bản sao có chứng thực; trường hợp bản sao không có chứng thực thì người đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất phải mang bản chính để đối chiếu);

c) Chứng chỉ định giá đất đã cấp đổi với trường hợp cấp đổi hoặc cấp lại Chứng chỉ định giá đất do bị mờ, rách, nát;

d) Giấy tờ có xác nhận của cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với trường hợp bị mất Chứng chỉ định giá đất;

đ) Hai (02) ảnh màu cỡ 4x6 cm chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất.

3. Trình tự, thủ tục nhận hồ sơ và trả kết quả cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 7. Thời hạn của Chứng chỉ định giá đất

1. Chứng chỉ định giá đất có giá trị trong thời hạn 05 năm, trừ trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ định giá đất thì thời hạn của Chứng